

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15/2024/DSST.

Ngày: 19-6-2024.

V/v: “*Kiện tranh chấp
hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Vũ.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Ngọc Khánh.

2. Ông Y Dhiều Hmok.

-Thư ký phiên tòa: Ông Thiều Sỹ Vững – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Phi Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 19/6/2024 tại phòng xử án - Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 44/2024/TLST-DS, ngày 22/4/2024, về việc “*Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐST-DS ngày 31/5/2024 giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị C, sinh năm 1961. Có mặt.

Địa chỉ: Số 32 Nguyễn Lương B, TDP 2, phường Đạt H, thị xã Buôn H, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Trịnh Công D (Tên gọi khác: Trịnh Công Th), sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1979. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: TDP 4, phường Đạt H, thị xã Buôn H, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà C là nguyên đơn trình bày:

Do chỗ quen biết nên nhiều lần bà C cho ông D, bà Th vay tiền cụ thể:

Ngày 17/6/2022 bà C cho ông D, bà Th vay 25.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 1,9%/tháng, thời hạn trả nợ ngày 30/12/2022 âm lịch.

Ngày 06/7/2022 bà C cho ông D, bà Th vay 10.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 1,9%/tháng, thời hạn trả nợ ngày 30/12/2022 âm lịch.

Ngày 16/9/2022 bà C cho ông D, bà Th vay 65.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 1,8%/tháng, thời hạn trả nợ ngày 21/02/2023 âm lịch.

Ngày 21/8/2022 âm lịch bà C cho ông D, bà Th vay 5.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả nợ ngày 21/02/2023 âm lịch.

Tổng cộng bà C cho ông D, bà Th vay số tiền 105.000.000 đồng.

Đến hạn bà Ct đến đòi nợ nhiều lần nhưng ông D, bà Th không có thiện chí trả nợ, nay bà C yêu cầu ông D, bà Th phải có nghĩa vụ trả cho bà C toàn bộ số nợ nói trên.

Về lãi suất: Bà C yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bà C không có yêu cầu nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông D, bà Th là bị đơn trình bày:

Ông D, bà Th thừa nhận vào các ngày 17/6/2022; ngày 06/7/2022; 16/9/2022; ngày 21/8/2022 ông D, bà Th ký giấy vay của bà C tổng số tiền là 105.000.000 đồng. Do làm ăn thua lỗ, gặp khó khăn nên chưa có khả năng trả nợ cho bà C, ông D, bà Th thừa nhận còn nợ bà C số tiền 105.000.000 đồng, ông D, bà Th xin hẹn mỗi năm trả cho bà C 15.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền nợ.

Về lãi suất: Ông D, bà Th đồng ý với yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật, vì khi vay các bên có thỏa thuận tính lãi suất.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng trình tự theo quy định của pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự do chủ tọa phiên tòa đã công bố tại phiên tòa thể hiện việc bà C khởi kiện yêu cầu ông D, bà Th trả cho bà C số tiền nợ 105.000.000 đồng là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 465; Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được kiểm tra xem

xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Việc bà Trần Thị C khởi kiện ông Trịnh Công D, bà Nguyễn Thị Th tại Tòa án và Tòa án thụ lý giải quyết về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông D, bà Th đã được Tòa án giao nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử, sau khi nhận quyết định ông D, bà Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung: Trong các ngày 17/6/2022; ngày 06/7/2022; 16/9/2022; ngày 21/8/2022 ông D, bà Th ký giấy vay của bà C tổng số tiền là 105.000.000 đồng cho đến nay vẫn chưa trả nợ cho bà C, ông D, bà Th xin hện mỗi năm trả cho bà C 15.000.000 đồng nhưng bà C không đồng ý.

Căn cứ vào các giấy vay tiền đề ngày 17/6/2022; ngày 06/7/2022; 16/9/2022; ngày 21/8/2022 do bà C cung cấp và trong quá trình giải quyết vụ án ông D, bà Th cũng đã thừa nhận có ký giấy xác nhận vay bà C tổng số tiền 105.000.000 đồng cho đến nay vẫn chưa trả nợ cho bà C. Các bên đương sự cũng đã thừa nhận, nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại điều luật này quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*.

Như vậy, có đủ căn cứ khẳng định, trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, các bên đã xác lập “Hợp đồng vay tài sản” về điều kiện, mục đích, nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 117, Điều 118, Điều 119 và Điều 463 Bộ luật dân sự. Quá trình thực hiện hợp đồng, đến hạn trả nợ nhưng ông D, bà Th không thực hiện đúng cam kết là vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Từ những phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của bà C là có căn cứ, nên cần chấp nhận.

[3]. Về lãi suất:

3.1. Tại các HĐ vay mượn tiền đề ngày 17/6/2022; ngày 06/7/2022 (thời hạn trả nợ ngày 30/12/2022 âm lịch, tức ngày 21/01/2023); ngày 16/9/2022 (thời hạn trả nợ ngày 21/02/2023 âm lịch, tức ngày 12/3/2023) các bên có thỏa thuận thời hạn trả nợ và có thỏa thuận lãi, nên đây là HĐ vay có kỳ hạn và có lãi được quy định tại khoản 5 Điều 466 và khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự. “Lãi suất các bên thỏa thuận từ 1,8% đến 1,9%/tháng, tương ứng với 21,6% đến 22,8%/năm”, theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự thì mức lãi suất các bên thỏa thuận vượt quá 20%/năm, nên phần lãi suất vượt quá không được chấp nhận, chỉ chấp nhận mức lãi suất 20%/năm, tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, lãi suất tính như sau:

Lãi suất trong hạn:

Lãi suất từ ngày 17/6/2022 đến ngày 21/01/2023 là 07 tháng 04 ngày (214 ngày), cụ thể: $[(25.000.000 \text{ đồng} \times 20\%) \times 214 \text{ ngày}] : 365 \text{ ngày} = 2.931.000 \text{ đồng}$ (đã làm tròn số).

Lãi suất từ ngày 06/7/2022 đến ngày 21/01/2023 là 06 tháng 15 ngày (195 ngày), cụ thể: $[(10.000.000 \text{ đồng} \times 20\%) \times 195 \text{ ngày}] : 365 \text{ ngày} = 1.068.000 \text{ đồng}$ (đã làm tròn số).

Lãi suất từ ngày 16/9/2022 đến ngày 12/3/2023 là 05 tháng 26 ngày (176 ngày), cụ thể: $[(65.000.000 \text{ đồng} \times 20\%) \times 176 \text{ ngày}] : 365 \text{ ngày} = 6.268.000 \text{ đồng}$ (đã làm tròn số).

Tổng cộng lãi trong hạn là 10.267.000 đồng.

Lãi suất quá hạn:

Lãi suất từ ngày 22/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/6/2024) là 16 tháng 17 ngày (497 ngày), cụ thể: $[(25.000.000 \text{ đồng} \times 20\%) \times 479 \text{ ngày}] : 365 \text{ ngày} \times 150\% = 9.842.000 \text{ đồng}$ (đã làm tròn số).

Lãi suất từ ngày 22/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/6/2024) là 16 tháng 17 ngày (497 ngày), cụ thể: $[(10.000.000 \text{ đồng} \times 20\%) \times 497 \text{ ngày}] : 365 \text{ ngày} \times 150\% = 4.084.000 \text{ đồng}$ (đã làm tròn số).

Lãi suất từ ngày 13/3/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/6/2024) là 15 tháng 06 ngày (456 ngày), cụ thể: $[(65.000.000 \text{ đồng} \times 20\%) \times 456 \text{ ngày}] : 365 \text{ ngày} \times 150\% = 24.361.000 \text{ đồng}$ (đã làm tròn số).

Tổng cộng lãi quá hạn 38.287.000 đồng

Lãi suất chậm trả:

Lãi suất từ ngày 22/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/6/2024) là 16 tháng 17 ngày (497 ngày), cụ thể: $[(3.999.000 \text{ đồng} \times 10\%) \times 497 \text{ ngày}] : 365 \text{ ngày} = 544.000 \text{ đồng}$ (đã làm tròn số).

Lãi suất từ ngày 13/3/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/6/2024) là 15 tháng 06 ngày (456 ngày), cụ thể: $[(6.268.000 \text{ đồng} \times 10\%) \times 456 \text{ ngày}] : 365 \text{ ngày} = 783.000 \text{ đồng}$ (đã làm tròn số).

Tổng cộng lãi chậm trả 1.327.000 đồng

Tổng cộng lãi suất tại mục 3.1 là 49.881.000 đồng.

3.2. Tại giấy vay tiền đề ngày 21/8/2022 âm lịch, tức ngày 16/9/2022 (thời hạn trả nợ ngày 21/02/2023 âm lịch, tức ngày 12/3/2023) các bên có thỏa thuận thời hạn trả nợ, nhưng không thỏa thuận lãi, nên đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi được quy định tại khoản 4 Điều 466 và khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự. Căn cứ khoản 2 Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, xét yêu cầu tính lãi suất của bà Cát theo quy định của pháp luật là có căn cứ. Lãi suất được tính như sau: Lãi suất được

tính từ ngày 13/3/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/6/2024) là 15 tháng 06 ngày (456 ngày), cụ thể: $[(5.000.000 \text{ đồng} \times 10\%) \times 456 \text{ ngày}] : 365 \text{ ngày} = 624.000 \text{ đồng}$ (đã làm tròn số).

Tổng cộng lãi suất tại mục 3.1 và 3.2 là 50.505.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng gốc và lãi suất là (105.000.000 đồng tiền gốc + 50.505.000 đồng tiền lãi) = 155.505.000 đồng.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà C được chấp nhận, nên buộc ông D, bà Th phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bà C thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí DSST theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị C.

Buộc ông Trịnh Công D và bà Nguyễn Thị Th trả cho bà Trần Thị C 155.505.000 đồng (một trăm năm mươi lăm triệu, năm trăm lẻ năm nghìn đồng), trong đó 105.000.000 đồng tiền nợ gốc và 50.505.000 đồng tiền nợ lãi.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong. Lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 19; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Ông D, bà Th phải chịu 7.775.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản bản trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân

Sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND TX Buôn Hồ;
- Chi cục THADS TX Buôn Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đã ký

Nguyễn Huy Vũ